

Địa chỉ: tổ 9, thôn D, thị trấn T, huyện N1, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thửa đất có diện tích 3.237,95m² (bao gồm đất ở và đất trồng cây lâu năm) được Ủy ban nhân dân huyện N1, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 626722 ngày 23/4/2009 cho ông Phong Thái L1. Năm 2019, ông L1 và Lê Thị Cẩm N (là vợ của ông L1) tìm hiểu, biết được có thể tách thửa, nâng diện tích sử dụng thửa đất nên muốn nâng diện tích sử dụng đất ở, tách thửa để bán. Khoảng tháng 3/2020, Lê Thị Cẩm N tự thỏa thuận (chỉ trao đổi miệng, không lập hợp đồng mua bán) bán cho ông Un L 162m² đất (27m x 6m, gồm đất ở và đất trồng cây lâu năm, trên thửa đất có 01 ngôi nhà nhỏ dạng ki-ốt bán hàng) nằm trong thửa đất có diện tích 3.237,95m², với giá 1.000.000.000 đồng (là giá bán của năm 2020, nếu để sang năm 2021 giá đất sẽ tăng lên) thì ông Un L đồng ý mua. Theo thỏa thuận mua bán, N chịu trách nhiệm làm thủ tục tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất, sang tên đổi chủ và đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất) cho ông Un L. Sau đó, theo yêu cầu của N, ông Un L nhiều lần chuyển cho N số tiền 248.500.000 đồng, trong đó: ông Un L chuyển nhiều lần số tiền 48.500.000 đồng; ông Un L nhờ người quen là ông Huỳnh Kim D1 chuyển 100.000.000 đồng và bà Huỳnh Thị Thuỷ (trú tại thành phố Hà Nội) chuyển 100.000.000 đồng đến tài khoản số 040090678444 Ngân hàng Sacombank của Lê Thị Cẩm N, để N chi phí làm thủ tục tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông Phong Thái L1 sang cho ông Un L (N chỉ nói cho ông L1 biết là bán đất cho ông Un L, còn mọi việc mua bán, thỏa thuận bên bán lo thủ tục tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhận tiền do N tự thực hiện, ông L1 không biết, không tham gia). Tuy nhiên, sau khi nhận của ông Un L số tiền 248.500.000 đồng, N đã không thực hiện theo thỏa thuận mua bán thửa đất mà sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân và chữa bệnh hết.

Tháng 6/2020, N lên mạng xã hội Zalo tìm đối tượng làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với diện tích đất đã bán cho ông Un L nhằm mục đích tiếp tục yêu cầu ông Un L trả tiền mua đất. N cung cấp thông tin cá nhân của ông Un L, thông tin về thửa đất và diện tích đất bán cho ông Un L (nội dung cụ thể: người sử dụng đất, chủ sở hữu là ông Un L, sinh năm 1997, CMND: 206053135, địa chỉ: Tổ 9, thôn D, thị trấn T, huyện N1; số CT 220316, thửa đất số 186, tờ bản đồ số 05, diện tích 162m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn; nguồn gốc sử dụng: nhận chuyển nhượng đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất) để thuê đối tượng làm giả Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên ông Un L. Sau khi đối tượng làm giả Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên ông Un L và gửi

hình ảnh Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả qua tin nhắn Zalo cho N xem thì N chụp hình ảnh Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả do đối tượng gửi đến (*không nhận Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả từ đối tượng*), gửi qua tin nhắn Zalo của ông Un L và yêu cầu ông Un L chuyển trả tiền mua đất. Đến đầu năm 2021, N tăng giá trị thửa đất lên 1.300.000.000 đồng thì ông Un L vẫn đồng ý mua.

Ngày 12/4/2021, thông qua mạng xã hội Facebook, N tiếp tục gửi cho ông Un L hình ảnh Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả đứng tên ông Un L nêu trên, để hỏi thúc ông Un L trả tiền mua thửa đất. Ngày 22/4/2021, ông Un L nhờ người quen là ông Ka Phu T2 giao cho N số tiền mua đất là 500.000.000 đồng. N viết giấy nhận tiền có nội dung: nhận từ ông T2 là 500.000.000 đồng; nhận 200.000.000 đồng trước đó từ ông D1 và bà Thủy, tổng cộng là 700.000.000 đồng. N yêu cầu ông Un L phải trả tiền mua đất còn lại vào tháng 7/2021 thì N mới giao Giấy CNQSDĐ cho ông Un L. Ngày 12/7/2021, ông Un L thông qua người quen là bà Lê Thị H1 chuyển số tiền 600.000.000 đồng vào tài khoản số 4212207000275 Ngân hàng Agribank - Chi nhánh huyện N1 của bà Nguyễn Xuân Tr để nhờ bà Tr rút tiền mặt giao cho ông Ka Phu T2 để nhờ ông T2 trả tiền mua đất còn lại cho N nhưng N tránh mặt, không gặp ông T2. Ngày 15/7/2021, ông T2 chuyển trả số tiền 600.000.000 đồng lại cho ông Un L (*qua tài khoản số 3010173035008 Ngân hàng Agribank N1 của ông Huỳnh Kim D1*). Sau đó, N nâng giá trị thửa đất lên 2.000.000.000 đồng và yêu cầu ông Un L giao đủ tiền thì ông Un L không đồng ý mua. Do nghi ngờ N có hành vi gian dối về việc bán đất nên đã tìm hiểu thì được biết Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà N gửi qua tin nhắn Zalo và Facebook của N đến ông Un L là giả nên yêu cầu N trả lại số tiền 748.500.000 đồng, nhưng N hứa hẹn mà không trả. Ngày 14/02/2022, ông Un L gửi đơn tố giác N đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Nam.

Ngày 27/5/2022, Lê Thị Cẩm N và ông Un L thoả thuận thống nhất cho N trả lại cho ông Un L số tiền 700.000.000 đồng (*trong đó: trả 250.000.000 đồng trước ngày 27/7/2022 và trả 450.000.000 đồng trước ngày 31/12/2022*), còn lại 48.500.000 đồng ông Un L không yêu cầu N trả và viết đơn bãi nại hành vi của N gửi Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Nam. Nếu N không thực hiện đúng thoả thuận thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Tuy nhiên, N không trả lại tiền cho ông Un L như thoả thuận nên ông Un L tiếp tục tố cáo, yêu cầu xử lý N theo quy định của pháp luật.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam đã thu giữ, yêu cầu phục hồi dữ liệu trong chiếc điện thoại di động cảm ứng iPhone 7Plus (*đã bị hư hỏng, bể vỡ, biến dạng*) mà Lê Thị Cẩm N sử dụng đăng nhập Zalo với số thuê bao 0976784725 để nhận hình ảnh Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 220316 đối với thửa đất số 186, tờ bản đồ số 05, diện tích 162m² đứng tên Un L từ đối tượng làm giả sau đó gửi cho ông Un L để hỏi thúc ông Un L trả tiền mua thửa đất. Tại Công văn số 490/PA05-Đ4 ngày 04/7/2022 của Phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao Công an tỉnh Quảng Nam trả lời: thiết bị đã bị hư hỏng, bong tróc, tách

rời màng hình, đứt cáp, vỡ vụn phần đuôi, không thể khởi động màn hình... nên không thể tiến hành phục hồi, trích xuất dữ liệu điện tử.

Tuy nhiên, tiến hành trích xuất dữ liệu tin nhắn từ Facebook và Zalo của Lê Thị Cẩm N với tên đăng nhập “N L1”; tin nhắn từ Facebook và Zalo của ông Un L với tên đăng nhập “Lò A Dính” và “Chiều biên giới” thì có nội dung chuyển và nhận hình ảnh Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 220316 đối với thửa đất số 186, tờ bản đồ số 05, diện tích 162m² tại Tổ 9, thôn D, thị trấn T, huyện N1, đứng tên ông Un L giả. Tiến hành chụp ảnh màn hình tin nhắn, in ra trên trang giấy A4 và chuyển lưu vào USB để đưa vào hồ sơ vụ án.

Tại Kết luận giám định số 57/KL-KTHS(TL) ngày 20/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam, kết luận: chữ viết, chữ ký đứng tên Lê Thị Cẩm N trên giấy nhận tiền ngày 22/4/2021 là chữ viết, chữ ký của Lê Thị Cẩm N.

Tại Công văn số 138 ngày 08/3/2022 của Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam; Công văn số 03 ngày 03/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai N1 xác nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam hiện không cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 220316 đối với thửa đất số 186, tờ bản đồ số 05, diện tích 162m² tại Tổ 9, thôn D, thị trấn T, huyện N1, đứng tên ông Un L, sinh năm 1997, CMND số 206053135. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai N1 không thực hiện lập hồ sơ đăng ký cấp Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, không tham mưu in và trình ký Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 220316; từ trước đến nay đặt mua phôi Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất không có số seri CT 220316. Đồng thời, tại Công văn số 10/CNVPĐKĐĐ ngày 18/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai N1 cung cấp: từ tháng 11/2018 cho đến nay, ông Phong Thái L1 không đăng ký lập thủ tục tách thửa tại thửa đất có diện tích 3.237,95m² (trong đó có 300m² đất ở và 2.937,95m² đất trồng cây lâu năm) theo Giấy CNQSDĐ số AM 626722 do UBND huyện N1 cấp ngày 23/4/2009.

Tiến hành kiểm tra thực tế thì thửa đất mà Lê Thị Cẩm N bán cho ông Un L có diện tích 162m² (27m x 6m), mặt tiền đường Hồ Chí Minh, trên thửa đất có một ngôi nhà cấp 4 nhỏ (dạng ki-ốt cho thuê), nằm trong diện tích đất 3.237,95m² cấp cho ông Phong Thái L1 theo Giấy CNQSDĐ số AM 626722, chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ cho cá nhân, đơn vị nào. Qua tra cứu Sổ mục kê địa chính thị trấn T xác định: Lê Thị Cẩm N không có quyền sử dụng thửa đất nào trên địa bàn thị trấn T.

Theo kết quả cung cấp thông tin của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai N1: năm 2019 - 2020, Lê Thị Cẩm N có đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai N1 để hỏi việc tách thửa, chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở đối với thửa đất có diện tích 3.237,95m² thì được trả lời: căn cứ vào quy định của pháp luật nếu chủ đất muốn tách thửa, tăng diện tích sử dụng đất ở thì có thể thực hiện được. Tuy nhiên, từ đó đến nay Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai N1 chưa

nhận hồ sơ đăng ký tách thửa, chuyển đổi mục đích sử dụng đối với diện tích đất 3.237,95m² nêu trên.

Theo kết quả cung cấp thông tin của Ngân hàng Agribank - Chi nhánh huyện N1 thì: Lê Thị Cẩm N có mở tài khoản thanh toán số 4212205006387 tại Agribank Chi nhánh huyện N1; có thực hiện hợp đồng vay, thế chấp tài sản số 4212LAV202200314 ngày 25/4/2022 (tài sản thế chấp là diện tích đất 3.237,95m² theo Giấy CNQSDĐ số AM 626722 cấp ngày 23/4/2009) với số tiền 1.000.000.000 đồng; Lê Thị Cẩm N không có thế chấp Giấy CNQSDĐ số CT 220316 để vay tiền tại Agribank Chi nhánh huyện N1.

Theo kết quả cung cấp thông tin của Công ty Cổ phần VNG: số thuê bao điện thoại di động 0941000400 là tài khoản “UnL Vilaythong”; số 0976784725 là tài khoản “N L1” nhưng không có thông tin.

Tại Kết luận giám định số 49/KL-KTHS(TL) ngày 05/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam, kết luận: chữ viết, chữ ký đứng tên Un L trên giấy uỷ quyền viết tay ngày 06/02/2020 không phải là chữ viết, chữ ký của ông Un L.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2023/HS-ST ngày 15/12/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định: tuyên bố bị cáo Lê Thị Cẩm N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 48; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*);

Xử phạt bị cáo Lê Thị Cẩm N **07 (Bảy)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/12/2023 người bị hại ông Un L có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị tăng hình phạt và xem xét hành vi dùng số đo giả đối với bị cáo Lê Thị Cẩm N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của người bị hại; giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Lê Thị Cẩm N.

Người bào chữa cho bị cáo là luật sư Phan Công H trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, mức án 07 năm tù đối với bị cáo là phù hợp; bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi vi phạm của mình nên bị cáo không kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức hình phạt cho bị cáo Lê Thị Cẩm N như bản án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 29/12/2023, người bị hại ông Un L kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2023/HS-ST ngày 15-12-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam với nội dung tăng hình phạt và xem xét hành vi dùng sớ đồ giả đối với bị cáo; ông Un L là chủ thể có quyền kháng cáo và yêu cầu kháng cáo của ông là trong thời hạn theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của người bị hại, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi và tội danh như Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng người, đúng tội. Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Thị Cẩm N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: vào khoảng tháng 3 năm 2020, Lê Thị Cẩm N đã thỏa thuận bằng miệng việc chuyển nhượng cho ông Un L 162m² đất nằm trong diện tích 3.237,95m² đứng tên ông Phong Thái L1 (chồng của N) với giá 1.000.000.000 đồng. Lê Thị Cẩm N đã yêu cầu ông L chuyển số tiền 248.500.000 đồng để lập thủ tục tách thửa, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 162m² này nhưng sau khi nhận tiền thì N không thực hiện. Để ông L tin tưởng giao tiếp số tiền còn lại, N lên mạng thuê đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên Un L và chuyển hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này qua tài khoản Zalo, Facebook của ông Un L và thông tin cho L biết rằng đất đã được sang tên cho Un L. Tin tưởng, Un L đã chuyển tiếp cho N số tiền 500.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, N cũng không thực hiện thủ tục tách thửa, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã thỏa thuận. Tổng số tiền 748.500.000 đồng chiếm đoạt từ Un L, N sử dụng tiêu xài cá nhân.

Hành vi của bị cáo Lê Thị Cẩm N đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*”, tội phạm được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh này là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam số tiền 20.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, gia đình bị cáo có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo. Bị cáo nhiều lần đưa ra thông tin gian dối để 02 lần chiếm đoạt của người bị hại số tiền 748.500.000 đồng nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[2.3]. Bị cáo nhận thức được quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp tài sản của người khác đều bị trừng trị nhưng vì mục đích cá nhân, bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần để chiếm đoạt số tiền lớn 748.500.000 đồng, nhưng chỉ khắc phục cho bị hại 20.000.000 đồng ở giai đoạn điều tra và 10.000.000 đồng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, số tiền bồi thường này là không đáng kể so với thiệt hại do bị cáo gây ra và sẽ được khấu trừ trong giai đoạn thi hành án. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét toàn diện các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là đã chiếu cố cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước. Tuy nhiên, mức án 07 năm tù là chưa tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi và hậu quả mà bị cáo gây ra. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt đủ nghiêm khắc mới đảm bảo cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa chung. Do đó, nội dung kháng cáo của người bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Lê Thị Cẩm N là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4]. Về nội dung xem xét hành vi làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị cáo Lê Thị Cẩm N, thấy rằng:

Lê Thị Cẩm N dùng tài khoản zalo tên “N L1” liên hệ với đối tượng (*không rõ lai lịch, số điện thoại*) để thuê làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 220316 đối với thửa đất số 186, tờ bản đồ số 05, diện tích 162m² đứng tên Un L. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xác định được đối tượng làm giả và cũng không thu giữ được bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm giả nói trên. Mặt khác, chiếc điện thoại bị cáo N sử dụng để nhận, gửi hình ảnh là iPhone 7Plus đã hư hỏng không phục hồi được nên không thu giữ được hình ảnh lưu giữ trong điện thoại là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 220316 đối với thửa đất số 186, tờ bản đồ số 05, diện tích 162m² đứng tên Un L để trưng cầu giám định. Tra cứu tin nhắn tại Bộ phận Zalo - Công ty VNG nhưng không có thông tin. Do đó, không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị cáo; Cơ quan cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát cấp sơ thẩm không xem xét hành vi này của bị cáo Lê Thị Cẩm N là có cơ sở.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên người bị hại ông Un L không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4]. Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại ông Un L; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2023/HS-ST ngày 15/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về phần hình phạt đối với bị cáo.

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 48; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*);

Xử phạt bị cáo Lê Thị Cẩm N **08 năm 06 tháng tù** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Người bị hại là ông Un L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng và án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSPA; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Trần Đức Kiên